

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng (đường, điện, nước thải, nhà ở xã hội...) trong khu kinh tế, khu công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp, công nghiệp công nghệ cao và bảo vệ môi trường giai đoạn 2017-2020

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 18/12/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020;

Xét đề nghị của Ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An tại Tờ trình số 42/TTr-KKT ngày 21 tháng 7 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng (đường, điện, nước thải, nhà ở xã hội. .) trong khu kinh tế, khu công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp, công nghiệp công nghệ cao và bảo vệ môi trường giai đoạn 2017-2020, như sau:

1. Mục tiêu

Xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thành khu kinh tế đa ngành, đa chức năng. Huy động mọi nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng (đường, điện, nước thải, nhà ở xã hội. .) trong Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp, công nghiệp công nghệ cao và bảo vệ môi trường. Tập trung thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An, Khu công nghiệp Hemaraj, các Khu công

nghiệp: Nam Cẩm, Hoàng Mai 1, Đông Hội, Nghĩa Đàn... Thu hút đầu tư hạ tầng các KCN Hoàng Mai 2, KCN Sông Dinh, KCN Tri Lễ. Xây dựng Cụm cảng Quốc tế Cửa Lò, Cảng biển Đông Hội sớm đi vào hoạt động

2. Nhiệm vụ cụ thể.

2.1. Công tác quy hoạch:

2.1.1. Đối với KKT Đông Nam

a) Năm 2018 nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT Đông Nam theo hướng:

- Bổ sung vào quy hoạch chung xây dựng KKT Đông Nam các Khu công nghiệp: Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An; KCN Hoàng Mai, KCN Đông Hội.

- Điều chỉnh quy mô, ranh giới KCN Nam Cẩm, KCN Thọ Lộc, KCN Hoàng Mai, KCN Đông Hội, điều chỉnh giảm quy mô diện tích quy hoạch Khu phi thuế quan, các khu đô thị trong KKT Đông Nam phù hợp với tình hình phát triển, đảm bảo hiệu quả, khả thi, đồng bộ và hiện đại. Hạn chế di dời dân cư, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tự nhiên.

- Cập nhật, điều chỉnh quy hoạch xây dựng Cụm cảng Quốc tế Cửa Lò gắn với KKT Đông Nam theo quy hoạch phát triển Cụm cảng Quốc tế Cửa Lò được Bộ Giao thông phê duyệt.

b) Sau khi được Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng, Ban quản lý KKT Đông Nam tổ chức lập điều chỉnh các đồ án quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng trong KKT Đông Nam.

2.1.2. Đối với các KCN

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch các KCN cho phù hợp với yêu cầu thực tế phát triển kinh tế- xã hội của vùng và của tỉnh.

- Năm 2018, lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng KCN Tri Lễ.

- Năm 2019, lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng KCN Phú Quý.

Tiến độ thành lập các KCN:

- Năm 2019: thành lập KCN Nghĩa Đàn tại huyện Nghĩa Đàn và KCN Tri Lễ, huyện Anh Sơn.

Năm 2020: Thành lập KCN Sông Dinh tại huyện Quỳnh Hợp.

2.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KKT, KCN

2.2.1. Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong KKT Đông Nam

a) Đường giao thông: Trong giai đoạn 2017 đến năm 2020, tiếp tục tập trung thi công xây dựng các trục giao thông chính trong KKT Đông Nam sau:

- Năm 2017: (đối với Công trình đang thi công)

+ Tiếp tục thi công xây dựng đường N2 nối Khu A- KCN Thọ Lộc với Quốc lộ 1A, phục vụ kết nối dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu A- KCN Thọ Lộc (dự án Hemaraj 2);

+ Tiếp tục thi công xây dựng đường N5 (đoạn 2) nối đường đi Đô Lương với N5 đoạn 1, phục vụ vận tải cho Nhà máy xi măng Sông Lam, phục vụ kết nối cho các dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu D- KCN Nam Cẩm (Công ty Tuấn Lộc), Khu A- KCN Nam Cẩm (dự án Hemaraj 1).

+ Tiếp tục thi công xây dựng đường N5 (đoạn 1) nối Quốc lộ 1A với Quốc lộ 46, phục vụ kết nối với các bến cảng số 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Cảng Cửa Lò, phục vụ kết nối cho dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Hemaraj 3 và Hemaraj 4.

- Năm 2020, triển khai giai đoạn 2 Đường D4 (hoàn chỉnh quy mô theo quy hoạch) nối Cảng nước sâu Cửa Lò với Quốc lộ 1A. Nhu cầu vốn ngân sách nhà nước trong giai đoạn này khoảng 280 tỷ đồng.

- Năm 2020 (đối với các Công trình khởi công mới):

+ Triển khai xây dựng giai đoạn 1 tuyến Đường N1 (quy mô quy hoạch dài 7,3km, rộng 36m) nối Khu A, Khu C- KCN Thọ Lộc với Quốc lộ 1A, phục vụ kết nối dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu A- KCN Thọ Lộc (dự án Hemaraj 2). Quy mô giai đoạn 1: GPMB theo quy mô dự án, thi công xây dựng nền đường rộng 13m, mặt đường 12m;

+ Triển khai xây dựng tuyến đường N4 (quy mô quy hoạch dài 5,9km, rộng 45m) nối Khu D- KCN Nam Cẩm với Quốc lộ 1A phục vụ kết nối cho các dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu D- KCN Nam Cẩm (Công ty Tuấn Lộc), dự án Hemaraj 5. Quy mô giai đoạn 1: GPMB theo quy mô dự án, thi công xây dựng nền đường rộng 10m, mặt đường 8,5m;

b) Hệ thống cảng biển gắn với KKT Đông Nam

* *Cụm cảng Quốc tế Cửa Lò*

Năm 2017:

+ Tiếp tục thi công và hoàn thành đưa vào khai thác bến cảng Visai của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam, phục vụ vận tải xi măng, clinke, than.

+ Tiếp tục thi công và hoàn thành đưa vào khai thác bến cảng DKC của Công ty Cổ phần Thiên Minh Đức, phục vụ vận tải xăng dầu.

+ Triển khai thi công 02 bến cho tàu 30.000 DWT và 50.000 DWT Cảng nước sâu Cửa Lò (thuộc Cụm cảng biển Quốc tế Cửa Lò) của Công ty cổ phần đầu tư phát triển vận tải quốc tế (ITID).

+ Tiếp tục thi công và hoàn thành đưa vào khai thác bến 5 và đến năm 2020 hoàn thành đưa vào khai thác bến số 6 của Công ty TNHH MTV Cảng Cửa.

- Năm 2020: Triển khai đầu tư xây dựng đê chắn sóng giai đoạn I dài khoảng 1.000m, với nhu cầu vốn trong giai đoạn này khoảng 200 tỷ đồng.

** Khu bến cảng Đông Hội*

- Năm 2017:

+ Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai triển khai đầu tư xây dựng 01 bến xuất xi măng và vật liệu xây dựng khác.

+ Công ty TNHH Thanh Thành Đạt hoàn thành xây dựng tuyến đường giao thông nối từ đường Nghĩa Đàn-Đông Hội vào Cảng Đông Hội theo hình thức Hợp đồng Xây dựng-Chuyển giao (Hợp đồng BT). Đến năm 2020, Công ty TNHH Thanh Thành Đạt hoàn thành xây dựng Bến cảng Thanh Thành Đạt cho tàu 30.000 tấn.

- Năm 2018, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam triển khai đầu tư xây dựng Bến Cảng than phục vụ Nhà máy điện Quỳnh Lập 1

- Năm 2020, Triển khai đầu tư xây dựng Đê chắn sóng và nạo vét luồng.

c) Cấp nước

- Năm 2017,

+ Công ty CP cấp nước Nghệ An đầu tư đường ống cấp nước từ đường N5-KKT Đông Nam đến điểm đầu nối phục vụ dự án Hemaraj 1 dài khoảng 4km (đã đầu tư đường ống từ Nhà máy nước Cầu Bạch về đến đường N5).

+ Công ty TNHH cấp nước Hoàng Mai hoàn thành xong Hệ thống cấp nước sạch TX Hoàng Mai giai đoạn 1 là 30.000m³/ng.đ, đường ống cấp đến KCN Đông Hội phục vụ Nhà máy Hoa Sen Nghệ An.

- Năm 2018, Công ty CP cấp nước Nghệ An đầu tư đường ống cấp nước từ đường N5- KKT Đông Nam theo đường N5 về đến Khu D- KCN Nam Cẩm dài khoảng 6km và đường ống từ đường N5- KKT Đông Nam theo đường D4 đến Bến cảng nước sâu Cửa Lò dài khoảng 14km (đã đầu tư đường ống từ Nhà máy nước Cầu Bạch về đến đường N5).

Năm 2020 triển khai xây dựng Nhà máy nước Phía Bắc KKT Đông Nam Nghệ An, công suất 17.000m³/ng.đ phục vụ KCN Thọ Lộc (theo tiến độ thực hiện dự án của Hemaraj).

d) Thoát nước mặt

Năm 2018, nghiên cứu lập dự án đầu tư và triển khai xây dựng giai đoạn 1 Kênh thoát nước và hồ điều hòa phía Nam KKT Đông Nam, quy mô khoảng 5km kênh và 10ha hồ điều hòa.

e) Cấp điện

Năm 2017, triển khai đầu tư xây dựng các trạm biến áp 110KV và đường dây 110kV tại:

+ KCN Nam Cẩm: trạm công suất 1x40MVA-110/22kV và nhánh rẽ đường dây 110kV mạch kép dài 1km.

+ KCN Đông Hội: trạm công suất 2x63MVA lắp trước 1 máy và đường dây 110kV dài 10km..

+ KCN Thọ Lộc: trạm công suất 2x40MVA lắp trước 1 máy và đường dây 110kV mạch kép dài 3,5km..

+ Cảng Nghi Thiết: trạm công suất 2x40MVA-110/22kV và nhánh rẽ 110kV chuyển tiếp từ trạm 110kV Trạm nghiền Nghi Thiết dài 2km..

- Năm 2018, triển khai đầu tư xây dựng các trạm biến áp 110KV tại:

+ KCN VSIP: trạm công suất 2x63MVA-110/35/22kV và đường dây 110kV từ trạm Hưng Đông dài 1km..

+ KCN Nghĩa Đàn: trạm công suất 1x40MVA-110/35/22kV và đường dây 110kV dài 2km.

- Năm 2019, triển khai đầu tư xây dựng trạm biến áp 110KV tại KCN Hoàng Mai 1 công suất 1x63MVA-110/35/22kV và đường dây 110kV dài 1,5km.

- Năm 2020, triển khai đầu tư xây dựng trạm biến áp 110KV tại KCN Hoàng Mai 2 công suất 1x63MVA-110/35/22kV và đường dây 110kV dài 0,5km..

g) Vệ sinh môi trường

- Nghĩa trang

Năm 2020, đầu tư xây dựng công viên nghĩa trang tại khu vực phía Nam KKT Đông Nam với quy mô khoảng 50ha.

- Xử lý nước thải

Năm 2017, tiếp tục thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại KCN Đông Hội, KCN VSIP.

Giai đoạn 2017 đến 2020, triển khai và hoàn thành xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các KCN Nam Cẩm (khu A, Khu D), KCN Hoàng Mai 1, KCN Nghĩa Đàn, KCN Tri Lễ.

(Quy mô, tiến độ, nguồn vốn theo hạ tầng kỹ thuật các Khu công nghiệp).

- Thu gom và xử lý chất thải rắn

+ Năm 2017, triển khai dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và công nghiệp tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, huyện Nghi Lộc của Công ty JET (Nhật Bản). Công suất 300 tấn/ngày.

+ Giai đoạn từ năm 2019 đến 2020, tiếp tục đầu tư xây dựng giai đoạn III và IV dự án Khu liên hợp xử lý và tái chế chất thải rắn ECOVI tại xã Nghi Yên, Nghi Lộc thuộc KKT Đông Nam của Công ty Cổ phần Galax. Công suất 240 tấn/ngày.

2.2.2. Hạ tầng kỹ thuật các KCN trong KKT Đông Nam

- KCN Nam Cẩm: Năm 2017 tiếp tục thi công xây dựng và đưa vào sử dụng tuyến giao thông số 2 Khu A, quy mô dài 2,3km, mặt đường rộng 18m.

- KCN Nam Cẩm - Hemaraj 1: Năm 2017, Nhà đầu tư Hemaraj Thái Lan triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp, đô thị Hemaraj 1 tại Khu A- KCN Nam Cẩm và Khu đô thị số 4, với quy mô 498 ha.

- Khu D- KCN Nam Cẩm: Năm 2017, Công ty CP đầu tư xây dựng Tuấn Lộc triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng Khu D KCN Nam Cẩm với quy mô 650ha.

- Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An: Tiếp tục triển khai và đến năm 2020, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1 phục vụ thu hút các dự án đầu tư thứ cấp.

Khu công nghiệp Hoàng Mai

+ *Khu công nghiệp Hoàng Mai 1*: Năm 2020, Công ty cổ phần KCN Hoàng Mai hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật KCN Hoàng Mai 1.

+ *Khu công nghiệp Hoàng Mai 2*: Năm 2018, triển khai đầu tư xây dựng một số công trình hạ tầng kỹ thuật của KCN phục vụ thu hút đầu tư.

- KCN Đông Hải: Năm 2017, tiếp tục hoàn thành xây dựng Hệ thống xử lý nước thải KCN Đông Hải giai đoạn 1 với công suất 2.500m³/ng.đ.

Giai đoạn từ năm 2017- 2020, tiếp tục triển khai xây dựng giai đoạn 2 dự án đường cứu nạn và tái định cư các khu dân cư ven biển Đông Hải dài 2,53km.

2.2.3. Hạ tầng kỹ thuật các KCN ngoài KKT Đông Nam

- KCN Nghĩa Đàn: Giai đoạn từ năm 2018- 2020, Công ty cổ phần lâm nghiệp Tháng Năm triển khai đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật phục vụ thu hút các dự án đầu tư thứ cấp.

- KCN Tri Lễ: Giai đoạn từ năm 2017- 2020, tập trung thu hút nhà đầu tư triển khai đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư thứ cấp.

- KCN Sông Dinh: Giai đoạn từ năm 2017- 2020, tập trung thu hút nhà đầu tư triển khai đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư thứ cấp.

2.2.4. Về nhà ở xã hội

- Năm 2018 triển khai đầu tư xây dựng 02 nhà cao 5 tầng (mỗi nhà có diện tích xây dựng khoảng 1.200 m², tổng diện tích sàn khoảng 6.000m²), để đáp ứng chỗ ở cho khoảng 2.000 công nhân tại KCN Nam Cẩm, KCN Hemaraj.

Năm 2020 triển khai xây dựng 01 nhà cao 5 tầng, diện tích xây dựng khoảng 1.200 m², tổng diện tích sàn khoảng 6.000m², để đáp ứng chỗ ở cho khoảng 1.000 công nhân tại KCN VSIP Nghệ An.

2.2.4. Nhu cầu nguồn vốn

Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2017-2020: **18.183,752** tỷ đồng.

Trong đó:

Nguồn vốn NSNN	1.589,962	tỷ đồng
+ Nguồn vốn NS trung ương	374,578	tỷ đồng
+ Nguồn vốn NS địa phương	1.215,384	tỷ đồng
- Nguồn vốn BOT, BT và Doanh nghiệp	16.143,790	tỷ đồng
- Nguồn vốn ODA, WB, ADB	450,00	tỷ đồng

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện

3.1. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch xây dựng, quản lý và thực hiện theo quy hoạch.

- Thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng đã ban hành, hoàn thành quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng.

- Xác định được danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên đầu tư và đưa ra các chính sách ưu đãi để kêu gọi đầu tư.

- Xây dựng quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc cần phân rõ trách nhiệm các cơ quan, trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, quản lý quy hoạch xây dựng.

- Nâng cao và phát huy vai trò của cộng đồng trong công tác quản lý quy hoạch xây dựng.

3.2. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật.

- Thực hiện đúng kế hoạch đề ra, tránh đầu tư dàn trải, kéo dài thời gian, gây thất thoát nguồn lực và hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về xây dựng, đảm bảo tính khả thi, sát với yêu cầu nhiệm vụ đầu tư, tiêu chuẩn định mức, quy trình quy phạm, đơn giá chế độ chi theo quy định, hạn chế mức thấp nhất các chi phí phát sinh trong quá trình đầu tư và nghiệm thu công trình.

- Ngoài phân vốn NSNN theo kế hoạch hằng năm, kế hoạch trung hạn, cần tìm kiếm, huy động các nguồn lực khác để bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA, vốn hỗ trợ của nhà nước đối với dự án đầu tư theo hình thức PPP.

- Đẩy mạnh xúc tiến nguồn vốn ODA để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật như Đê chắn sóng và luồng tàu Cụm Cảng Quốc tế Cửa Lò, Đê chắn sóng và luồng tàu Cảng Đông Hội, các công trình cấp thoát nước...

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật trong KKT Đông Nam và các KCN theo hình thức hợp tác công- tư (PPP).

- Thu hút mạnh các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm các lợi ích thỏa đáng của nhà đầu tư.

3.3. Phát triển nhà ở công nhân

Phát triển quỹ nhà ở xã hội bằng nhiều hình thức, nguồn vốn khác nhau từng bước đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người lao động, ổn định lực lượng lao động cho các KCN. Vận dụng linh hoạt các quy định pháp luật của Nhà nước, các cơ chế chính sách của tỉnh trong việc huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng các dự án nhà ở công nhân. Hỗ trợ trong hàng rào đối với các dự án nhà ở công nhân để thu hút các nhà đầu tư và giảm giá thành của nhà ở. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bàn giao đất sạch, tiếp cận nguồn vốn để thực hiện các dự án nhà ở công nhân.

3.4. Đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng

Xây dựng cơ chế, chính sách, sử dụng vốn Nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội, tạo quỹ đất “sạch” chuẩn bị mặt bằng thực hiện các dự án. Thực hiện tốt việc công khai, minh bạch các cơ chế chính sách, lợi ích của nhân dân trong giải phóng mặt bằng, tạo cơ sở để thực hiện giám sát, giúp người dân có đất thu hồi yên tâm thực hiện trách nhiệm của mình. Đối với những hộ dân đã được tuyên truyền, hỗ trợ hết chính sách nhưng vẫn chây ỳ, cố tình gây khó khăn không chịu bàn giao mặt bằng thì cần kiên quyết tổ chức cưỡng chế xử lý nghiêm.

3.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong việc đầu tư khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng.

Quản lý tốt việc quy hoạch xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch trong KKT Đông Nam và các KCN. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm thông thoáng, thuận lợi. Ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hiện đại trong việc tổ chức xây dựng, khai thác và quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật, tăng cường tư vấn, giám sát độc lập nhằm nâng cao chất lượng công trình; kiểm soát chặt chẽ hiệu quả đầu tư, rút ngắn tiến độ thực hiện để đưa vào khai thác sử dụng và quản lý các công trình.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý ngay những vấn đề vướng mắc liên quan đến tiến độ và chất lượng công trình, xử lý kịp thời những tồn tại về chất lượng, sự cố công trình, nghiêm khắc xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan; đẩy mạnh công tác chống tham nhũng trong đầu tư xây dựng.

Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện phân công, phân cấp hợp lý lĩnh vực đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật trong KKT Đông Nam và các KCN, đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp, công nghệ công nghệ cao và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An

- Là cơ quan đầu mối quản lý, xây dựng và phát triển hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25 hàng tháng về kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và tham mưu đề xuất chỉ đạo triển khai.

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, và các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã chuẩn bị các nội dung cuộc họp, đôn đốc các Chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo tiến độ.

- Chủ trì triển khai và thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về quy hoạch xây dựng trong KKT Đông Nam và các KCN. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, triển khai và lập các quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan đẩy mạnh công tác kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật trong KKT Đông Nam và các khu

công nghiệp. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành liên quan tham mưu hoàn chỉnh cơ chế chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư, quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Đề xuất cơ chế để vận động, thu hút và thực hiện có hiệu quả các hình thức đầu tư PPP như BT, BOT, BOO, ODA....

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về: Quản lý kinh tế, kỹ thuật, chất lượng xây dựng; thực hiện đầu tư xây dựng; cấp phép xây dựng và trật tự xây dựng; hoạt động xây dựng, quản lý lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật trong KKT Đông Nam và các KCN.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng đôn đốc, theo dõi các huyện và chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình trong việc: Quản lý, kiểm tra, phát hiện, xử lý các vi phạm về quản lý kinh tế, kỹ thuật chất lượng công trình xây dựng, hoạt động xây dựng và trật tự xây dựng lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ban ngành liên quan căn cứ Kế hoạch được phê duyệt tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn cho các công trình, dự án.

- Chủ trì, phối hợp với Ban quản lý KKT Đông Nam và các Sở ban ngành liên quan tham mưu hoàn chỉnh cơ chế chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư, quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Đề xuất cơ chế để vận động, thu hút và thực hiện có hiệu quả các hình thức đầu tư PPP như BT, BOT, BOO, ODA....

- Đề xuất kế hoạch và lộ trình để thực hiện các đề án, dự án thuộc Kế hoạch.

- Phối hợp theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai, thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình. Đẩy mạnh thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhằm nâng cao sức cạnh tranh toàn diện của doanh nghiệp.

- Phối hợp với Ban Quản lý KKT Đông Nam theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai, thực hiện các công trình, dự án thuộc Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh cơ chế, chính sách nhằm khai thác và huy động các nguồn lực tài chính thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bố trí vốn đối ứng cho các dự án thực hiện bằng các hình thức PPP, ODA...

4. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý KKT Đông Nam và UBND cấp huyện có liên quan thực hiện lồng ghép quy hoạch của thành phố, thị xã, các huyện, các khu đô thị, chương trình nông thôn mới... với kế hoạch phát triển hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp để phát huy hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý KKT Đông Nam trong công tác quản lý về chất lượng xây dựng các công trình.

- Phối hợp với Ban Quản lý KKT Đông Nam trong kế hoạch phát triển Nhà ở cho công nhân.

- Đề xuất bổ sung quy hoạch các mỏ vật liệu trên địa bàn tỉnh để phục vụ xây dựng các dự án được thuận lợi.

5. Sở Giao thông vận tải

- Tham mưu lồng ghép quy hoạch phát triển giao thông của tỉnh, các dự án giao thông kết nối các vùng kinh tế trọng điểm với kế hoạch phát triển hạ tầng giao thông trong Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp để phát huy hiệu quả.

- Phối hợp với Ban Quản lý KKT Đông Nam trong công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật, chất lượng xây dựng, quản lý thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý hoạt động xây dựng đối với các công trình giao thông.

- Thực hiện và phối hợp với các Cơ quan liên quan xử lý ô nhiễm bụi và khí thải giao thông trên địa bàn.

6. Sở Công thương

Chủ trì xây dựng chương trình công tác của Ban chỉ đạo 06 và tổ chức kiểm tra tình hình tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với ngành điện để bổ sung các dự án điện cho KKT Đông Nam, các KCN vào quy hoạch điện lực và tổ chức đầu tư cấp điện đến hàng rào đảm bảo tiến độ phát triển KKT Đông Nam, các KCN theo quy hoạch, kế hoạch đã đề ra.

- Thu hút, kêu gọi đầu tư các dự án lĩnh vực ngành quản lý, rà soát hồ sơ, bổ sung quy hoạch ngành theo quy định. Chỉ đạo đơn đốc tiến độ, kiểm tra thực hiện các dự án hạ tầng thuộc ngành quản lý hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về quản lý đất đai, quản lý môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý KKT Đông Nam, các Sở, ngành, UBND huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan thực hiện các chỉ tiêu về môi trường.

- Bổ sung, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, hướng dẫn các chủ đầu tư các thủ tục cấp đất, thuê đất theo quy định.

- Phối hợp với các địa phương có dự án để thực hiện tốt công tác GPMB và tái định cư.

8. Các Sở, ngành khác có liên quan

- Theo chức năng nhiệm vụ quản lý chủ động xây dựng kế hoạch, lồng ghép với kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật trong KKT Đông Nam và các Khu công nghiệp.

Chịu trách nhiệm thu hút, kêu gọi đầu tư các dự án lĩnh vực ngành quản lý, rà soát hồ sơ, bổ sung quy hoạch ngành theo quy định hiện hành.

- Tăng cường công tác quản lý ngành, quản lý chất lượng công trình thuộc ngành quản lý.

- Chỉ đạo đơn đốc tiến độ, kiểm tra thực hiện các dự án hạ tầng thuộc ngành quản lý hoàn thành đúng tiến độ.

9. UBND huyện, thành phố, thị xã

- Phối hợp với các chủ đầu tư thực hiện dự án thuộc địa bàn để quản lý thực hiện đúng kế hoạch và hiệu quả.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của chương trình liên quan đến cơ chế, chính sách GPMB cho các dự án, kế hoạch thuộc kế hoạch này.

Phối hợp với các Sở ban ngành và các Chủ đầu tư trong việc xây dựng phương án, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, GPMB đảm bảo kịp thời, trong đó chuẩn bị trước các khu tái định cư để bố trí cho các hộ dân phải di dời.

Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tạo đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và thực hiện tốt quy định của pháp luật trong đầu tư, xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam và các KCN.

10. Các Nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng

- Thực hiện đúng quy hoạch xây dựng KKT Đông Nam và các Khu công nghiệp đã được phê duyệt.

- Triển khai lồng ghép kế hoạch đầu tư kinh doanh hạ tầng với kế hoạch phát triển hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp để phát huy hiệu quả.

Bố trí đủ nguồn vốn và thực hiện đúng tiến độ của dự án, tích cực kêu gọi các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư sản xuất kinh doanh tạo công ăn việc làm cho người lao động và tăng thu ngân sách cho địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An; Giám đốc các Sở, thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Các Phòng: CN, NN, KTTH, TH;
- Lưu: VT, Phòng CN(Tr).



Lê Ngọc Hoa

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
TRONG KKT ĐÔNG NAM VÀ CÁC KCN THEO HƯỚNG ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP,
CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2017 - 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/10 QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đanh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Kết quả thực hiện đến hết năm 2016	Vốn còn thiếu so với TMBĐT	Tổng kinh phí giai đoạn 2017-2020	Dự kiến nguồn vốn				Thời gian khởi công	Ghi chú
								NS Trung ương	NS Địa phương	BĐT, BT và Doanh nghiệp	ODA, WB, ADB		
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	TỔNG CỘNG			30,455,864.0	2,035,152.6	28,420,711.4	18,183,752.0	374,578.0	1,215,384.0	16,143,798.0	450,000.0		
A	QUY HOẠCH XÂY DỰNG						23,000.0	0.0	23,000.0	0.0	0.0		
B	HẠ TẦNG KỸ THUẬT THIẾT YẾU TRONG KKT ĐÔNG NAM			18,941,073.0	1,063,523.6	17,877,549.4	11,185,541.0	283,751.0	690,000.0	9,761,798.0	450,000.0		
I	<i>Đường giao thông thiết yếu trong KKT Đông Nam</i>			2,977,999.0	947,805.6	2,030,193.4	1,173,751.0	283,751.0	540,000.0	358,000.0	0.0		
1	Đường ngang N2 - KKT Đông Nam Nghệ An	Huyện Diễn Châu	L= 5,56km; B= 56m	405,070.0	227,433.0	177,637.0	43,904.0	43,904.0	0.0	0.0	0.0	2020	Tiếp tục
2	Đường ngang N5 - KKT Đông Nam Nghệ An	Huyện Nghi Lộc	L= 6,958km; B= 56m	760,044.0	288,713.0	471,331.0	184,980.0	34,980.0	150,000.0	0.0	0.0	2020	Tiếp tục
3	Đường ngang N5 (đoạn 2) - KKT Đông Nam Nghệ An	Huyện Nghi Lộc	L=6,5km; B= 56m	750,106.0	422,194.6	327,911.4	254,867.0	204,867.0	50,000.0	0.0	0.0	2020	Tiếp tục
4	Đường D4 trong khu kinh tế Đông Nam Nghệ An (giai đoạn 2)	Huyện Nghi Lộc	L= 7,066m; B= 56m	280,000.0	0.0	280,000.0	280,000.0	0.0	280,000.0	0.0	0.0	2020	
5	Đường ngang N1 trong KKT Đông Nam	Huyện Diễn Châu	L= 7,314km; B=36m	300,902.0	2,889.0	298,013.0	180,000.0	0.0	30,000.0	150,000.0	0.0	2020	NSNN do GPMB
6	Đường N4 trong KKT Đông Nam	Huyện Nghi Lộc	L= 5,921km; B=45m	481,877.0	6,576.0	475,301.0	230,000.0	0.0	30,000.0	200,000.0	0.0	2020	NSNN do GPMB
II	<i>Cảng cảng Quốc tế Cửa Lò</i>			8,231,921.0	0.0	8,231,921.0	4,237,723.0	0.0	50,000.0	6,037,723.0	150,000.0		
1	Cảng biển Vissai - Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam	Xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc	Khu bến quốc tế gồm 3 bến từ 30,000-70,000DWT	2,198,221.0	1,000,000.0	1,198,221.0	1,198,221.0	0.0	0.0	1,198,221.0	0.0	2020	Tiếp tục
2	Bến cảng xăng dầu ĐKC do Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Thuận Minh Đức	Xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc	03 bến cảng nhập khẩu xăng dầu cho tàu từ 10,000DWT	650,000.0	90,000.0	560,000.0	560,000.0	0.0	0.0	560,000.0	0.0	2020	Tiếp tục
3	Bến số 5, số 6 thuộc Bến cảng Cửa Lò Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Lò	P Nghi Tân, TX Cửa Lò	02 bến 30,000DWT, cầu trục về lượng hàng năm 2022 là 3,25 triệu	650,000.0	65,000.0	585,000.0	585,000.0	0.0	0.0	585,000.0	0.0	2020	Tiếp tục

TT	Đánh mục dự án, công trình	Địa điểm Xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Kết quả thực hiện đến hết năm 2016	Vốn còn thiếu so với TMĐT	Tổng kinh phí giải ngân 2017-2020	Dự kiến nguồn vốn				Thời gian khởi công	Ghi chú
								NS Trung ương	NS Địa phương	BOT, BT và Doanh nghiệp	ODA, WB, ADB		
(1)	(2)	(3)	(1)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	Cảng nước sâu Cửa Lò - Công ty cổ phần đầu tư phát triển vận tải quốc tế (TTID)	Xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc	02 bến 30.000DWT và 30.000DWT	3,733.700.0	39,198.0	3.694,502.0	3,694,502.0	0.0	0.0	3,694,502.0	0.0	2017	
	Đê chắn sóng giai đoạn 1	Huyện Nghi Lộc	1000m	1,000,000.0	0.0	1,000,000.0	200,000.0	0.0	50,000.0	0.0	150,000.0	2020	
III Cảng Đông Hải				5,148,000.0	9,133.0	5,138,867.0	1,459,067.0	0.0	50,000.0	1,259,067.0	150,000.0		
1	Đê chắn sóng và nạo vét luồng	TX Hoàng Mai	Đê chắn sóng dài 1.600m; luồng tàu sâu 10km	2.610.000.0	0.0	2,610,000.0	200,000.0	0.0	50,000.0	0.0	150,000.0	2020	
2	Cảng Vicoro Hoàng Mai-Công ty cổ phần Xi măng Vicoro Hoàng Mai (thuộc Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam)	Xã Quỳnh Lập, TX Hoàng Mai	03 bến liên tục (01 bến xuất xi măng và vật liệu xây dựng 01 triệu tấn/năm, 01 bến xuất clinker 1.86 triệu tấn/năm, 01 bến nhập phụ gia và vật liệu khác 0,5 triệu tấn/năm)	1.978.000.0	2.200.0	1,975,800.0	786,000.0	0.0	0.0	706,000.0	0.0	2018	
3	Bến cảng Thanh Thành Đạt, Công ty TNHH Thanh Thành Đạt	Xã Quỳnh Lập, TX Hoàng Mai	Quy mô 1 bến chạ tàu 30.000 tấn, lượng hàng hóa thông qua cảng khoảng 2,5 triệu tấn/năm	560,000.0	6,933.0	553,067.0	553,067.0	0.0	0.0	553,067.0	0.0	2018	
IV Cấp nước				653,153.0	106,585.0	546,568.0	415,000.0	0.0	0.0	415,000.0	0.0		
1	Hệ thống cấp nước sạch TX Hoàng Mai, Công ty TNHH cấp nước Hoàng Mai.	Huyện Nghi Lộc	Tổng công suất thiết kế 80.000m ³ /ng.đ (giai đoạn 1 là 30.000m ³ /ng.đ)	400,000.0	106,000.0	294,000.0	294,000.0	0.0	0.0	294,000.0		Tiếp tục	
2	Đường ống cấp nước từ đường NS-KKT Đông Nam đến điểm đầu nối phục vụ KCN Homaraj 1 thuộc Khu A- KCN Núi Cấm	Huyện Nghi Lộc	4km	6.000.0	0.0	6.000.0	6.000.0	0.0	0.0	6.000.0	0.0	2017	
3	Đường ống cấp nước từ đường NS (đoạn 1) về đến Khu D- KCN Nam Cấm và đến Cảng nước sâu Cửa Lò đi theo đường D4	Huyện Nghi Lộc	20km	35.000.0	0.0	35.000.0	35.000.0	0.0	0.0	35.000.0	0.0	2018	

TT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm Xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Kết quả thực hiện đến hết năm 2016	Vốn của (chiếu số) với TMBĐT	Tổng kinh phí giai đoạn 2017-2020	Dự kiến nguồn vốn				Thời gian khởi công	Ghi chú
								NS Trung ương	NS Địa phương	BOT, BT và Doanh nghiệp	ODA, WB, ADB		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
4	Nhà máy nước phục vụ Bắc KKT Đông Nam Nghệ An	Huyện Diễn Châu	Công suất 17.000m ³ /ngày	212.153,0	585,0	211.568,0	80.000,0	0,0	0,0	80.000,0	0,0	2020	
Y	Thỏa nước mặt			200.000,0	0,0	200.000,0	200.000,0	0,0	50.000,0	0,0	150.000,0		
	Đầu tư xây dựng giai đoạn 1 Kênh thoát nước phía Nam KKT Đông Nam và bổ đắp đầu bờ	Huyện Nghi Lộc	5km kênh và 10ha bổ đắp đầu bờ	200.000,0	0,0	200.000,0	200.000,0	0,0	50.000,0	0,0	150.000,0	2018	NSNN đề GPMB
Y7	Cấp điện			800.000,0	0,0	800.000,0	800.000,0	0,0	0,0	800.000,0	0,0		
1	Năm 2017, triển khai đầu tư xây dựng các trạm biến áp 110KV và đường dây 110kV tại: KCN Nam Cẩm, KCN Đông Hải, KCN Thọ Lộc, Cảng Nghi Thiệu	KCN Nam Cẩm, KCN Đông Hải, KCN Thọ Lộc, Cảng Nghi Thiệu	Trạm biến áp 110KV và đường dây 110kV	400.000,0	0,0	400.000,0	400.000,0	0,0	0,0	400.000,0	0,0	2017	Theo Đề án Phát triển hạ tầng cung cấp điện trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 4240/UBND-CHN ngày 01/9/2017
2	Năm 2018, triển khai đầu tư xây dựng các trạm biến áp 110KV và đường dây 110kV tại: KCN VSIP, KCN Nghĩa Đàn	KCN VSIP, KCN Nghĩa Đàn	Trạm biến áp 110KV và đường dây 110kV	200.000,0	0,0	200.000,0	200.000,0	0,0	0,0	200.000,0	0,0	2018	
3	Năm 2019, triển khai đầu tư xây dựng các trạm biến áp 110KV và đường dây 110KV tại KCN Hoàng Mai 1	KCN Hoàng Mai 1	Trạm biến áp 110KV và đường dây 110kV	100.000,0	0,0	100.000,0	100.000,0	0,0	0,0	100.000,0	0,0	2019	
4	Năm 2020, triển khai đầu tư xây dựng các trạm biến áp 110KV và đường dây 110kV tại KCN Hoàng Mai 2	KCN Hoàng Mai 2	Trạm biến áp 110KV và đường dây 110kV	100.000,0	0,0	100.000,0	100.000,0	0,0	0,0	100.000,0	0,0	2020	
Y11	Vệ sinh môi trường			930.000,0	0,0	930.000,0	900.000,0	0,0	0,0	900.000,0	0,0		
1	Nghĩa trang			130.000,0	0,0	130.000,0	100.000,0	0,0	0,0	100.000,0	0,0		
	Đầu tư xây dựng công viên nghĩa trang tại khu vực phía Nam KKT Đông Nam	Huyện Nghi Lộc	50ha	100.000,0	0,0	100.000,0	100.000,0	0,0	0,0	100.000,0	0,0	2020	
2	Tình gọn và xử lý chất thải rắn			800.000,0	0,0	800.000,0	800.000,0	0,0	0,0	800.000,0	0,0		



TT	Đanh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Kết quả thực hiện đến hết năm 2016	Vấn còn thiếu so với TMDT	Tổng kinh phí giải ngân 2017-2020	Dự kiến nguồn vốn				Thời gian khởi công	Ghi chú
								NS Trung ương	NS địa phương	BOT, BT và Doanh nghiệp	ODA, WB, ADB		
(1)	(2)	(3)	(1)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2.1	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và công nghiệp tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn	Xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	300 tấn/ngày	680.000,0	0,0	680.000,0	680.000,0	0,0	0,0	680.000,0	0,0	2017	
2.2	Đầu tư xây dựng giai đoạn III và IV dự án Khu liên hợp xử lý và tái chế chất thải rắn ECOVI	Xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	240 tấn/ngày	120.000,0	0,0	120.000,0	120.000,0	0,0	0,0	120.000,0	0,0	2019	
C. HẠ TẦNG CÁC KCN TRONG KKT BÔNG NAM				9.274.791,0	971.629,0	8.303.162,0	6.235.211,0	90.827,0	322.384,0	5.872.000,0	0,0		
I	Hệ thống KCN Nam Cẩm (327ha)			108.994,0	25.000,0	83.994,0	73.094,0	73.094,0	0,0	0,0	0,0		
	Tuyến đường số 2 thuộc hệ thống giao thông khu A, KCN Nam Cẩm	Khu A - KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc	L= 2,3km; B= 18m	108.994,0	25.000,0	83.994,0	73.094,0	73.094,0	0,0	0,0	0,0	2017	
II	Hệ thống KCN Nam Cẩm- Hama raj I	Huyện Nghi Lộc	498ha	2.156.000,0	0,0	2.156.000,0	2.156.000,0	0,0	88.000,00	2.056.000,00	0,0	2017	NSNN và GPMB
III	Hệ thống Khu D-KCN Nam Cẩm- Công ty CP đầu tư xây dựng Tuấn Lộc	Huyện Nghi Lộc	650ha	2.500.000,0	0,0	2.500.000,0	2.500.000,0	0,0	0,0	2.500.000,00	0,0	2017	
IV	Hệ thống Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An- Công ty TNHH VSIP Nghệ An.	Huyện Hương Nguyên, TP Vinh	750ha	3.180.800,0	436.679,0	2.744.121,0	1.100.000,0	0,0	166.000,00	934.000,00	0,0	Tiếp tục	NSNN và GPMB
V	Hệ thống KCN Đông Hải			166.997,0	30.000,00	136.997,0	43.617,0	17.233,00	26.384,00	0,0	0,0		
1	Giai đoạn I Hệ thống xử lý nước thải KCN Đông Hải	KCN Đông Hải, TX Hoàng Mai	Công suất 2.500m3/ngày	50.000,0	16.192,0	33.808,0	33.808,0	7.424,00	26.384,00	0,0	0,0	Tiếp tục	
2	Đường cầu vượt và tái định cư các khu dân cư ven biển Đông Hải	TX Hoàng Mai	1-2,53km; B=20m	116.997,0	13.808,0	103.189,0	9.809,0	9.809,0	0,0	0,0	0,0	2017	
VI	Hệ thống KCN Hoàng Mai I- Công ty cổ phần KCN Hoàng Mai	TX Hoàng Mai	289,67ha	812.000,0	480.000,0	332.000,0	332.000,0	0,0	0,0	332.000,00	0,0	Tiếp tục	
VII	Hệ thống KCN Hoàng Mai II	KCN Hoàng Mai 2, TX Hoàng Mai	300ha	350.000,0	0,0	350.000,0	50.500,0	50,00	50.000,00	-		2017	

TT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm Xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Kết quả thực hiện đến hết năm 2016	Vốn còn thiếu so với TMĐT	Tổng kinh phí giai đoạn 2017-2020	Dự kiến nguồn vốn				Thời gian khởi công	Ghi chú
								NS Trung ương	NS Địa phương	BCT, BT và Doanh nghiệp	ODA, WB, ADB		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
D	HÀ TĂNG CÁC KCN NGOÀI KKT ĐỒNG NAM			2.100.000,0	0,0	2.100.000,0	600.000,0	0,0	150.000,0	490.000,0	0,0		
1	Hà tăng KCN Tân Lễ	Huyện Anh Sơn	200ha	600.000,0	0,0	600.000,0	200.000,0	0,0	50.000,0	150.000,0	0,0	2017	
2	Hà tăng KCN Nghĩa Dân	Huyện Nghĩa Dân	200ha	600.000,0	0,0	600.000,0	200.000,0	0,0	50.000,0	150.000,0	0,0	2018	
3	Hà tăng KCN Sông Dinh	Huyện Quý Hợp	300ha	900.000,0	0,0	900.000,0	200.000,0	0,0	50.000,0	150.000,0	0,0	2019	
F	NHÀ Ở CÔNG NHÂN			140.000,0	0,0	140.000,0	140.000,0		30.000,0	110.000,0			
1	Nhà ở công nhân tại KCN Nam Cẩm	huyện Nghi Lộc	xây dựng 2 nhà cao 5 tầng (diện tích xây dựng 1 nhà khoảng 1.200 m ²)	90.000,0	0,0	90.000,0	90.000,0	0,0	20.000,0	70.000,0	0,0	2018	
2	Nhà ở công nhân tại KCN VSIP Nghệ An	huyện Hưng Nguyên	xây dựng 1 nhà cao 5 tầng (diện tích xây dựng 1 nhà khoảng 1.200 m ²)	50.000,0	0,0	50.000,0	50.000,0	0,0	10.000,0	40.000,0	0,0	2020	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN